

Sự ra đời của **NGHỊ QUYẾT 15 VÀ ĐƯỜNG CHIẾN LƯỢC 559** khẳng định quyết tâm giải phóng miền Nam

TRẦN TRỌNG TRUNG

Xác định con đường phát triển của cách mạng miền Nam từ cuối năm 1954 đến cuối năm 1959 là một vấn đề rất khó khăn, vì tình hình cách mạng miền Nam diễn ra trong bối cảnh trong và ngoài nước rất phức tạp. Điều đó giải thích vì sao ngay từ khi Hiệp định Giơnevơ sắp được ký kết, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (Khoá II – trung tuần tháng 7 - 1954) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân một phương hướng chung là: “Bất kỳ hoà bình hoặc chiến tranh, ta cũng phải nắm vững chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước”¹.

Ngoại trưởng Mỹ John Foster Dulles không dự phiên họp cuối cùng của Hội nghị Giơnevơ. Ông ta tuyên bố không ủng hộ: chống lại việc tiến hành tổng tuyển cử tự do có giám sát quốc tế để tiến tới một chính phủ thống nhất cho toàn nước Việt Nam. Ngay sau khi Hội nghị Giơnevơ kết thúc, Mỹ tiến hành một loạt biện pháp chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao nhằm đạt cho được ý định của chính quyền Aixenhao (Eisenhower). Đó là vô hiệu hoá hoàn toàn Hiệp định Giơnevơ, cụ thể là gạt Pháp ra khỏi miền Nam Việt Nam đi đôi với phân hoá và loại trừ các lực lượng Việt Nam thân Pháp, xây dựng chính quyền và tổ chức các đảng phái thân Mỹ, nắm quyền chỉ huy quân đội Sài Gòn,

tất cả hướng vào một mục tiêu là phá hoại sự nghiệp thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành một “nước” trong quỹ đạo của thế giới tự do.

Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm không từ một thủ đoạn nào để đạt được mục tiêu nói trên. Mọi lực lượng quân sự, mật vụ, hành chính, kinh tế, gián điệp, thông tin tuyên truyền, chiến tranh tâm lý... đều được tận dụng nhằm phục vụ cho biện pháp chiến lược cơ bản “tổ cộng – diệt cộng”, đánh phá cách mạng miền Nam vô cùng tàn khốc. Mỹ Diệm không chỉ khủng bố, đàn áp lực lượng cách mạng, những người kháng chiến cũ, mà mọi người dân bị chúng vu cho cái tội “thân cộng sản” đều bị sát hại. Nhân dân miền

Nam sông nghẹt thở dưới chế độ phát xít Ngô Đình Diệm. Cách mạng miền Nam bị đẩy vào thời kỳ thoái trào với những khó khăn, nguy ngập, tưởng chừng không gượng dậy nổi².

Trước âm mưu địch phá hoại Hiệp định Giơnevơ và chống phá cách mạng, từ năm 1955, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương đã nhiều lần họp và quyết định biện pháp từng bước chỉ đạo cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ lực lượng cách mạng, hạn chế tổn thất do chính quyền Ngô Đình Diệm gây nên³. Những khó khăn và tổn thất của ta kéo dài trong bốn năm, nhất là trong hai năm 1957-1958, là do “ta có sai lầm trong chỉ đạo chiến lược, chậm chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh, chỉ nhấn mạnh đấu tranh chính trị khi địch đã dùng bạo lực phản cách mạng thẳng tay giết hại cán bộ, nhân dân”⁴. Tuy nhiên, do hành động khủng bố, đàn áp của chính quyền Ngô Đình Diệm và do nhu cầu chống địch bắt bớ cán bộ, cướp bóc tài sản và sát hại quần chúng nhân dân, cho nên vấn đề vũ trang tự vệ đã được đặt ra ở một số địa phương. Từ lẻ tẻ ban đầu, dần dần ở nhiều thôn xã có cơ quan lãnh đạo của khu và của tỉnh đóng đều tổ chức các đội tự vệ vũ trang, dưới danh nghĩa các “đội dân canh chống cướp”. Riêng ở các vùng căn cứ kháng chiến cũ và một số vùng rừng núi, các cán bộ, bộ đội cũ tránh địch truy lùng đã tự động tổ chức nhau lại, vừa sản xuất tự túc, vừa chống địch đề tự vệ.

Điều đáng nói là do còn bị tư tưởng *đấu tranh chính trị đơn thuần* chi phối cho nên số lớn vũ khí chôn giấu ở các địa phương từ những ngày tập kết (riêng Nam Bộ có khoảng một vạn khẩu súng) chậm được sử dụng nên bị hư hỏng

và thất lạc. Đó cũng là một nguyên nhân khiến trong nhiều trường hợp, các đội tự vệ chưa phát huy được hết tác dụng đáng có của những đơn vị vũ trang. Còn các cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân vẫn chỉ là những cuộc bãi công của công nhân, đấu tranh đòi ruộng đất của nông dân và của giáo dân di cư, đòi dân sinh dân chủ, đòi hiệp thương, chống trưng cầu dân ý v.v.. của thanh niên, trí thức ở các thành phố.

Cùng với chủ trương xây dựng những đơn vị vũ trang đầu tiên, vấn đề căn cứ địa cũng được đặt ra làm nơi đứng chân của các cơ quan lãnh đạo, trước hết là ở các vùng căn cứ cũ, như chiến khu Đ, chiến khu Đồng Tháp, căn cứ U Minh ở Nam Bộ và các vùng rừng núi phía Tây các tỉnh đồng bằng Trung Bộ và nhất là Tây Nguyên. Với những kinh nghiệm thời kỳ tiền khởi nghĩa và kháng chiến chống Pháp, việc xây dựng căn cứ địa được triển khai khá hoàn chỉnh, không chỉ về giáo dục chính trị mà cả tăng gia sản xuất nhằm đáp ứng một phần yêu cầu cải thiện đời sống nhân dân, cung cấp cho cán bộ và lực lượng vũ trang. Đây chính là những cơ sở mạnh mẽ của hậu phương tại chỗ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau này. Chính với những đơn vị vũ trang bước đầu được tổ chức cùng với căn cứ địa sớm hình thành mà nhiều địa phương ở miền Nam có điều kiện thuận lợi để chính thức chuyển hướng khi có chủ trương của Đảng kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

Trước thái độ của chính quyền Ngô Đình Diệm công khai khước từ đề nghị hiệp thương của Chính phủ ta, Hội nghị Bộ Chính trị trong các ngày 8 và 9 - 6 - 1956 nhận định: Do chính

sách phá hoại Hiệp định Giơnevơ và hành động đàn áp, khủng bố của Mỹ-Diệm, thời gian qua, cơ sở cách mạng của ta ở miền Nam bị tổn thất tương đối nặng; ngày 20 - 7 - 1956 sẽ chưa có Tổng tuyển cử như Hiệp định quy định; cuộc đấu tranh của nhân dân ta còn phải trải qua nhiều khó khăn. Sau khi nhận xét khuyết điểm chính của Đảng bộ miền Nam trong thời gian qua là không nắm vững phương châm “khéo công tác, khéo che giấu lực lượng”..., Nghị quyết Bộ Chính trị lần này có một *điểm mới* khi nói về hình thức đấu tranh, đó là : “Hình thức đấu tranh của ta trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang. Nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của các giáo phái chống Diệm mà chúng ta duy trì và phát triển được. Cần củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có và xây dựng căn cứ làm chỗ dựa, đồng thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang. Tổ chức tự vệ trong quần chúng nhằm bảo vệ các cuộc đấu tranh của quần chúng và giải thoát cán bộ khi cần thiết”⁵.

Cũng trong dịp này, ở miền Nam, từ tháng cuối năm 1955 đến tháng 8 - 1956, đồng chí Lê Duẩn bắt đầu soạn thảo Đề cương *Đường lối cách mạng miền Nam*. Sau khi nhắc lại ba nhiệm vụ mà Trung ương đã đề ra cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, bản Đề cương phân tích mục đích, vị trí và đối tượng của cách mạng miền Nam, nguyện vọng hoà bình thống nhất và

độc lập dân tộc của nhân dân cả nước, hình thức đấu tranh và dự kiến khả năng phát triển của phong trào cách mạng miền Nam. Phân tích tình hình thế giới sau Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô, bản Đề cương kết luận: Nếu trên thế giới hiện nay tất cả các cuộc xung đột đều có thể giải quyết bằng phương pháp thương lượng hoà bình được, thì việc thống nhất nước Việt Nam ta bằng phương pháp hoà bình (cũng) có thể thực hiện được⁶. Về đường lối, phương châm, phương pháp đấu tranh, Đề cương viết: Phong trào cách mạng tranh đấu theo đường lối hoà bình, nghĩa là phong trào ấy lấy lực lượng chính trị của nhân dân làm căn bản, không phải lấy lực lượng vũ trang của nhân dân để đấu tranh với chính quyền hiện hữu để đạt mục đích cách mạng của mình⁷.

Sau khi phân tích nguyên nhân lúc này phong trào cách mạng chưa phát triển là do cán bộ chưa nắm vững đường lối chính trị của Đảng, chưa nắm vững phương pháp đấu tranh chính trị, chưa đi đúng đường lối quần chúng, bản Đề cương khẳng định nguyện vọng hoà bình đã là nguyện vọng chung của nhân dân thế giới và trong nước, kể cả nhân dân miền Nam, thì đường lối tranh đấu của chúng ta cũng không thể ra ngoài đường lối hoà bình được⁸.

Cuối cùng, đồng chí Lê Duẩn nêu lên những bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám để vận dụng vào nhiệm vụ chung của cách mạng miền Nam⁹. Từ kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám, trong kết luận bản Đề cương, đồng chí Lê Duẩn viết: Kinh nghiệm 15 năm vận động chính trị của Đảng, từ năm 1930 đến 1945 cho chúng ta thấy rằng với lực lượng chính trị

chúng ta có thể thực hiện mục tiêu cách mạng của ta... Chúng ta không còn nghi ngờ gì nữa, đường lối công tác đấu tranh chính trị hiện nay nhất định có thể đem lại kết quả, có thể đạt được mục đích cách mạng của ta¹⁰.

Vào thời điểm đất nước đang trong tình thế *đường giải phóng mới đi một nửa*, đã diễn ra một sự trùng hợp kỳ diệu giữa hai miền Nam Bắc, một sự trùng hợp nói lên nguyện vọng nóng bỏng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của toàn Đảng, toàn dân. Trong lúc ở miền Nam, đồng chí Lê Duẩn tập trung tinh lực nghiên cứu soạn thảo *Đề cương cách mạng miền Nam* thì giữa năm 1957, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị chỉ đạo việc nghiên cứu và biên soạn dự thảo Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15. Yêu cầu đầu tiên đặt trong quá trình dự thảo Nghị quyết 15 là quán triệt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó là: *1. Nhân dân ta còn phải tiếp tục chống Mỹ; 2. Tranh thủ mọi thời cơ để hoà bình thống nhất nước nhà.*

Phương thức đấu tranh là nội dung quan trọng được trao đổi nhiều lần và đã đi đến thống nhất. Cụ thể là: trên cơ sở nhận định rằng mặc dù Đảng ta luôn luôn tranh thủ mọi cơ hội hoà bình nhưng thực tế tình hình nước sôi lửa bỏng do Mỹ - Diệm gây nên ở miền Nam lúc này, rất nhiều khả năng buộc lòng ta phải phát huy sức mạnh của toàn dân tiến hành một cuộc chiến tranh cách mạng lâu dài và gian khổ, dùng hình thức vũ trang, đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Bản dự thảo nghị quyết được viết đi viết lại nhiều lần, mỗi lần đều gửi lên Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí Ủy viên Trung ương để xin ý kiến. Mỗi lần Bác Hồ đều nhấn mạnh ý tưởng đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, chỉ đấu tranh vũ trang khi tình thế bắt buộc.

Khoảng cuối năm 1958, bản dự thảo cuối cùng đã hoàn thành. Sau này, qua nghiên cứu hai văn kiện (Nghị quyết 15 và Đề cương cách mạng miền Nam) có thể thấy *sự thống nhất* chủ yếu thể hiện trong sự trùng hợp về ý tưởng trên hai vấn đề cơ bản, đó là: 1) quyết tâm đấu tranh chống chế độ Mỹ-Diệm, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; 2) ý tưởng tập hợp các tầng lớp xã hội, tạo nên sức mạnh của toàn dân để đưa cách mạng đến thắng lợi.

Đầu năm 1959, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ 15 nhằm xác định con đường tiến lên của cách mạng miền Nam. Hội nghị đã bàn và kết luận về mục tiêu và phương pháp cách mạng ở miền Nam, mối quan hệ giữa hai chiến lược cách mạng ở hai miền Nam Bắc nhằm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà... Hội nghị họp thành hai đợt: đợt 1 (mở rộng), từ ngày 12 đến ngày 22-1-1959. Đợt 2, từ ngày 10 đến ngày 15-7-1959 chỉ gồm các đồng chí Ủy viên Trung ương dự. Nghị quyết 15 được thông qua trong đợt 2 này.

Nghị quyết khẳng định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến; trước mắt là đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô

Đình Diệm, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc dân chủ ở miền Nam... Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đó là con đường lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân... Mặc dù không loại trừ khả năng hoà bình phát triển của cách mạng ở miền Nam, nhưng Nghị quyết khẳng định: “Vi Mỹ - Diệm quyết tâm bám lấy miền Nam, chúng không thể tự nguyện từ bỏ chính quyền, từ bỏ hành động bạo lực nhằm tiêu diệt cách mạng ở miền Nam và xâm lược miền Bắc, cho nên Đảng ta vẫn phải chuẩn bị tích cực về mọi mặt theo phương hướng căn bản là khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ-Diệm. Mặt khác, trên cơ sở nhận định rằng đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trong tình hình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới: đó là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch, và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta. Trong khi lãnh đạo, Đảng ta phải thấy trước khả năng ấy để chuẩn bị chu đáo và chủ động đối phó trong mọi tình thế”¹¹.

Như vậy là Hội nghị Trung ương lần thứ 15 dự kiến ba khả năng phát triển của cách mạng miền Nam:

- Thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ *bằng con đường hoà bình*:

- Khả năng phát triển theo phương hướng căn bản là *khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân*.

- Cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng *chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang*, đó là *cuộc chiến tranh trường kỳ* giữa ta và địch.

Với Nghị quyết 15 và tiếp đó là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9 năm 1960), đường lối kháng chiến của Đảng đã được hoàn chỉnh.

Giữa hai kỳ họp của Hội nghị Trung ương 15, cũng chính là khoảng thời gian tình hình đấu tranh của nhân dân miền Nam dần dần có sự chuyển biến về chất. Bức xúc trước sự chà xát ngày càng khốc liệt của chính quyền Ngô Đình Diệm, nhân dân nhiều địa phương đã nổi dậy giành quyền làm chủ dưới nhiều hình thức và quy mô khác nhau¹³. Chính trong phong trào khởi nghĩa này đã nảy sinh thêm nhiều đơn vị vũ trang của quần chúng, trong đó đáng kể là đơn vị vũ trang đầu tiên của Quảng Ngãi được thành lập từ tháng 3 - 1959.

Cũng trong khoảng thời gian trên, cùng với chỉ thị của Bộ Chính trị về xây dựng căn cứ địa cách mạng ở Tây Nguyên, Quân uỷ Trung ương quyết định đẩy mạnh hơn nữa xây dựng quân đội, sẵn sàng chiến đấu. Sư đoàn 338 – bộ đội miền Nam tập kết – cùng một số trung đoàn bộ binh khẩn trương triển khai chương trình huấn luyện, chuẩn bị nhận nhiệm vụ vào Nam chiến đấu. Tiếp đó, tháng 5 - 1959, Bộ Chính trị quyết định nghiên cứu việc mở *con đường vận chuyển chiến lược*, cụ thể là tổ chức một đoàn giao thông đặc biệt, bắt đầu từng bước

“soi đường” đưa cán bộ, tiếp tế vũ khí và hàng hóa cần thiết chi viện miền Nam. Những quyết định cụ thể và trực tiếp trên đây của Tổng hành dinh, từ xây dựng căn cứ địa Tây Nguyên, huấn luyện quân đội sẵn sàng vào Nam chiến đấu đến mở đường chiến lược chi viện miền Nam..., tất cả cho thấy, mặc dù lúc này Nghị quyết 15 còn chưa được chính thức thông qua trong đợt 2 của Hội nghị Trung ương, nhưng tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh về *nắm vững chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước* đã được khẳng định trên hoạt động thực tế, thể hiện rõ quyết tâm của Đảng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Ngày 19 - 5 - 1959 Đoàn vận tải quân sự 559 được thành lập, do đồng chí Võ Bẩm phụ trách. Lực lượng đầu tiên là Tiểu đoàn 301 (vận tải đường bộ, xây dựng căn cứ xuất phát ở Khe Hó, Tây Vĩnh Linh) và Tiểu đoàn 603 (vận tải đường biển, lúc đầu lập căn cứ ở sông Gianh). Trong khi Đoàn 559 chuẩn bị lực lượng và phương tiện sẵn sàng tiến vào Nam thì Sư đoàn bộ binh 325 mở đường từ thị xã Đồng Hới (Quảng Bình) đến Khe Hó. Từ đây, Tiểu đoàn 301 vượt sông Bến Hải vào đường 9, theo đường giao liên bí mật của huyện Hướng Hoá và Tỉnh uỷ Thừa Thiên, vừa mở đường vừa đặt trạm tiến dần về hướng Nam theo triền phía Đông của dãy Trường Sơn. Trong hoạt động lúc này, cán bộ chiến sĩ Đoàn 559 được lệnh tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc bí mật. Hàng hoá trên đường chi viện vào Nam đều do các nước tư bản sản xuất. Vũ khí đều là chiến lợi phẩm thu được trong kháng chiến chống Pháp, do Mỹ sản xuất. Không những cán bộ chiến sĩ Đoàn

559 hạn chế tiếp xúc với dân, tránh đụng độ với địch, mà trong mọi hành động đều theo một khẩu hiệu mang tính mệnh lệnh: “đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng”.

Cuối tháng 8 - 1959, nửa tấn hàng đầu tiên được chuyển bằng gùi thồ đã đến trạm số 9 ở Pa Lin (Tây Thừa Thiên), chuẩn bị chuyển vào Liên khu 5. Bốn tháng sau, trạm Pa Lin đã nhận 1.667 khẩu súng bộ binh, gần 800 dao găm, gần 200 kilôgam thuốc nổ và một số dụng cụ quân sự (ống nhòm, địa bàn, bản đồ quân sự...). Ngoài ra trên đường 559 lúc này còn có khoảng 1.200 súng bộ binh các loại do gần 550 cán bộ chiến sĩ (từ miền Nam tập kết ra Bắc trước đây) mang theo trong cuộc hành quân trở về Nam chiến đấu. Phối hợp với Đoàn 559 đang trèo đèo lội suối tiến dần vào Nam, Liên khu 5 cũng hình thành một hành lang đường nhánh, vận chuyển từ Pa Lin vào các căn cứ ở Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ. Cũng trong khoảng thời gian này, một số đội vũ trang của Nam Bộ cũng lần lượt xuất phát, cắt rừng băng qua những địa bàn chưa có dấu chân người ở Bù Đăng, Bù Gia Mập (Phước Long), Sơ Nia (Quảng Đức)... tiến ra cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên để bước đầu nối liền hành lang chiến lược giữa hai miền Nam Bắc.

Trong khi đó, từ căn cứ xuất phát ở sông Gianh, theo tín hiệu dẫn đường bí mật của một tổ điện đài đặt trên đèo Hải Vân, Tiểu đoàn 603 dùng thuyền gỗ cũng bắt đầu những chuyến đi thí nghiệm đầu tiên của Đường 759 - đường vận chuyển chiến lược Bắc Nam trên biển, được chính thức thành lập tháng 7 - 1959. Thuyền cải

dạng thành thuyền đánh cá của dân, khoang thuyền chia thành hai đáy, đáy dưới chứa vũ khí. Mọi thứ đồ dùng sinh hoạt mang theo trên thuyền đều không có nhãn mác.

Đến cuối năm 1959, nhất là khi Nghị quyết 15 được truyền đạt sơ bộ (chưa có văn bản) và mặc dù chỉ mới được tin Trung ương cho phép đấu tranh vũ trang, các đảng bộ nhiều địa phương, như những mảnh đất đại hạn gặp mưa rào, đã kịp thời phát động khởi nghĩa (Trà Bồng – Quảng Ngãi, Long Mỹ – Cần Thơ, Mỏ Cày – Bến Tre, Bến Cát – Tây Ninh v.v)... Đặc biệt sau đó là cuộc đồng khởi rộng khắp của Bến Tre, nhiều vùng ở Tây Nguyên và nổi bật là trận Tua Hai - Tây Ninh (1-1960). Tua Hai là trận đánh lớn đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ, có tác dụng cổ vũ rất lớn đối với phong trào khởi nghĩa đang lan rộng trên toàn miền.

Cuối năm 1960 và đầu năm 1961 đã diễn ra hai sự kiện lớn đánh dấu bước trưởng thành của sự nghiệp cách mạng và chiến tranh cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đó là sự ra đời của *Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam*, vừa làm chức năng tập hợp các tầng lớp nhân dân miền Nam, vừa làm chức năng của chính quyền cách mạng. Tiếp đến là sự thống nhất các đơn vị vũ trang toàn miền Nam, dưới tên chung là *Lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam*.

Thực tế trên đây cho thấy, trải qua 5 năm (1955-1959), cách mạng miền Nam đã phải trải qua những năm tháng thử thách nghiêm trọng nhất, từ thoái trào và thụ động giữ gìn lực lượng, đã chuyển sang một giai đoạn mới, trong thế tiến công chiến lược.

Nghị quyết 15 và các quyết định tiếp theo của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và Quân uỷ Trung ương trong giai đoạn cách mạng này đã khẳng định đường lối cách mạng giải phóng miền Nam và chỉ ra phương pháp cách mạng bạo lực, đồng thời thể hiện nghệ thuật chỉ đạo khởi đầu cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam. Bắt đầu bằng các cuộc khởi nghĩa từng phần do nhân dân chủ động và trực tiếp tiến hành, với sự hậu thuẫn của lực lượng vũ trang miền Nam và với sự chi viện bước đầu nhưng kịp thời của hậu phương miền Bắc, cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam đã thực sự được khởi động một cách độc đáo, khéo léo, phù hợp với ý nguyện của nhân dân hai miền, phù hợp với thời cơ chiến lược.

Nguồn gốc sâu xa và nguyên nhân trực tiếp của tất cả những sự kiện diễn ra trên đây chính là hành động can thiệp và xâm lược của đế quốc Mỹ và hành động phát xít tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm trong suốt một thời gian dài. Cách mạng hoà bình phát triển không còn là một khả năng thực tế. Bạo lực cách mạng đã trở thành phương pháp duy nhất để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

1. “Báo cáo tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (Khóa II), ngày 15- 7 - 1954”, *Văn kiện quân sự của Đảng*, QĐND, H, 1977, T.3, tr. 637

2. Trong 4 năm (1955-1958) cả miền Nam tồn thất 9 phần 10 số cán bộ, đảng viên. Riêng ở *Nam Bộ*, khoảng 70.000 cán bộ, đảng viên bị địch sát hại, gần

900.000 cán bộ, nhân dân bị bắt, bị tù đày (gần 200.000 bị tra tấn thành tàn tật). Chỉ còn khoảng 5.000 so với 60.000 đảng viên khi hoà bình lập lại. Ở Trung Bộ (từ Trị Thiên vào đến cực Nam) khoảng 40% tỉnh uỷ viên, 60% huyện uỷ viên, 70% chi uỷ viên xã bị bắt, bị giết; có tỉnh chỉ còn 2 – 3 chi bộ, 12 huyện đồng bằng không còn cơ sở đảng. Riêng Trị - Thiên từ 23.400 đảng viên vào mùa hè năm 1954, chỉ còn 160 đảng viên

3. Các nghị quyết Hội nghị Trung ương lần 7 (3-1955), lần 8 (8-1955), lần 10 (11-1956), lần 13 (12-1957), Hội nghị Bộ Chính trị (6-1956 và 8-1956), Chi thị của Ban Bí thư (12-1955 và 3-1956) v.v... đều chỉ ra những thiếu sót trong việc chuyển hướng về tư tưởng, tổ chức và phương thức đấu tranh, yêu cầu quán triệt đường lối, chính sách, phương châm, sách lược của Đảng trong cuộc đấu tranh ở miền Nam và yêu cầu nắm vững phương châm bảo tồn cơ sở, giữ gìn lực lượng, triệt để lợi dụng mọi khả năng hợp pháp, nửa hợp pháp để vừa che giấu được lực lượng vừa tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân rộng rãi đấu tranh chống địch v.v..., song cho đến cuối năm 1958 Trung ương Đảng vẫn chưa đề ra được những biện pháp cụ thể, thích đáng để đối phó có hiệu quả với địch, giảm bớt tổn thất của quần chúng.

4. Kết luận của Bộ Chính trị, ngày 23-4-1994 về *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*. Dẫn theo *Chiến tranh cách mạng Việt Nam - thắng lợi và bài học* – Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh, trực thuộc Bộ Chính trị, CTQG, H, 2000, tr.146

5. *Những sự kiện lịch sử Đảng*, NXB Thông tin lý luận, H, 1985, T.III, tr. 58

6,7,8,10. Xem: *Đường lối cách mạng miền Nam* của đồng chí Lê Duẩn, lưu tại Viện Lịch sử Đảng, bản đánh máy, tr.14, 15, 17, 19, 38,39

9. Những kinh nghiệm đó là: 1. *Không có lực lượng bên trong, không nắm được thời cơ bên ngoài*; 2. *Phải có một Đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác-Lênin lãnh đạo*; 3. *Phải xây dựng khối liên minh công nông sâu rộng vững chắc*; 4. *Xây dựng, củng cố, phát triển Mặt trận dân tộc* và 5. *Phải biết khai thác những mâu thuẫn trong nội bộ địch*.

11. Hai đồng chí được Bộ Chính trị chỉ định giúp đồng chí Võ Nguyên Giáp trong việc này là Trần Quang Huy (khi đó là Chánh văn phòng Trung ương Đảng, Phó ban thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương) và Hoàng Tùng (Tổng Biên tập báo *Nhân Dân*, Phó ban Ban Tuyên giáo Trung ương). Sự kiện này trước đây đã được đồng chí Trần Quang Huy viết trên Tạp chí *Lịch sử quân sự*, mới đây lại được đồng chí Hoàng Tùng kể lại cho nhà nghiên cứu Nhật Hoa Khanh ghi và đăng trên *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam* (4-2007), *Người Hà Nội* (Xuân 2007) và *Tiền Phong* (số 117 – 121). Một điều đồng chí Hoàng Tùng nhấn mạnh khi kể với Nhật Hoa Khanh là: khi nhận nhiệm vụ chuẩn bị bản Dự thảo Nghị quyết 15, cả ba đồng chí Võ Nguyên Giáp, Hoàng Tùng và Trần Quang Huy đều không biết rằng từ cuối năm 1956, đồng chí Lê Duẩn đã nghiên cứu và biên soạn *Đề cương cách mạng miền Nam* và đầu năm 1957, bản *Đề cương* đã được hội nghị Xứ uỷ (mở rộng) thảo luận tại Phnôm Pênh.

12. Xem: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2001, T.20, tr. 82, 83, 85

13. Ngay từ đầu năm 1959 đã diễn ra các cuộc nổi dậy của nhân dân Bắc Ái (Ninh Thuận), Vĩnh Thạnh (Bình Định) và cuộc nổi dậy của nhân dân Tà Boóc – Kon Tum... Trên thực tế, miền Nam đã bắt đầu quá trình khởi nghĩa từng phần từ đầu năm 1959.

14. *Tài liệu Lầu năm góc*, Việt Nam thông tấn xã phát hành, tháng 8 - 1971. T. 1, tr.72.